THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1810 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 6239/BGDĐT-GDĐH ngày 15 tháng 9 năm 2026, văn bản số 5969/BGDĐT-GDĐH ngày 04 tháng 9 năm 2026, văn bản số 1741/BC-BGDĐT ngày 19 tháng 8 năm 2026 và Tờ trình số 1185/TTr-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045 với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và tự chủ chiến lược của quốc gia.

2. Phát triển giáo dục đại học nhằm phát huy tối đa tiềm lực con người, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, đồng thời phải đi trước một bước theo chiến lược phát triển quốc gia, gắn với định hướng ưu tiên phát triển của mỗi vùng, địa phương, phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng đất nước.

3. Phát triển giáo dục đại học đại chúng với trụ cột là mạng lưới cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, hạt nhân là một số đại học tinh hoa; tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cả hệ thống và từng cơ sở; bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng trong toàn hệ thống, giữa công lập và tư thục.

4. Phát triển hệ thống giáo dục đại học mở, liên thông, thực học, thực nghiệp, thích ứng với thời đại số, làm chủ và dẫn dắt phát triển gắn với trí tuệ nhân tạo; lấy người học làm trung tâm, lấy hiệu quả đầu tư, kết quả đầu ra và tác động kinh tế - xã hội làm thước đo chủ yếu của năng lực hệ thống.

5. Đầu tư cho giáo dục đại học là đầu tư cho phát triển bền vững, mang lại hiệu quả cao cho cả xã hội và người học. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong đầu tư chiến lược, đồng thời tăng cường huy động mọi nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục đại học.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển hệ thống giáo dục đại học hiện đại, ngang tầm khu vực; thích ứng hiệu quả trong thời đại số và trí tuệ nhân tạo; trở thành hạ tầng tri thức chiến lược quốc gia và là một trụ cột của hệ thống đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

a) Hiện đại hóa giáo dục đại học, tăng cường năng lực đào tạo và nghiên cứu, chuyển đổi thích ứng mục tiêu, mô hình và phương thức hoạt động giáo dục đại học với những tác động của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; giảm tối thiểu 20% số cơ sở giáo dục đại học công lập so với năm 2025; 100% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn.

b) Mở rộng tiếp cận giáo dục trình độ cao, kiến tạo hệ sinh thái học tập thông minh, học tập cá thể hóa, học tập suốt đời cho mọi người; tăng mạnh số người học các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ, nhất là ở trình độ tiến sĩ. Tỉ lệ học đại học trên số người trong độ tuổi 18 - 22 đạt 45%, người học sau đại học đạt 15% và người học các ngành STEM đạt 40% quy mô đào tạo ở mỗi trình độ.

c) Tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng đào tạo theo các chuẩn mực quốc tế, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao có năng lực thích ứng, làm chủ và dẫn dắt công nghệ, nhất là trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm, chiến lược. Tỉ lệ người học sau khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp trong 12 tháng đạt 90%.

d) Thu hút, phát triển nhân tài trong nước và quốc tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và chuyển giao tri thức; hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc ngang tầm khu vực, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong

mạng lưới cơ sở giáo dục đại học. Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 50% và có 20 trung tâm nghiên cứu xuất sắc hàng đầu khu vực.

đ) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học; bảo đảm nguồn lực ngân sách nhà nước và thu hút mạnh các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục đại học. Tỉ trọng thu từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức của cơ sở giáo dục đại học đạt 15%.

e) Nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế và tầm ảnh hưởng quốc tế của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, từng bước vào nhóm dẫn đầu khu vực ASEAN; 10 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 trường hàng đầu châu Á và 02 cơ sở thuộc nhóm 100 trường hàng đầu thế giới theo lĩnh vực đào tạo.

(Hệ thống chỉ tiêu tới 2030 và 2035 có trong Phụ lục I kèm theo.)

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến của khu vực châu Á, có một số đại học tinh hoa đạt đẳng cấp thế giới; một số lĩnh vực khoa học công nghệ có năng lực cạnh tranh quốc tế. Hệ thống giáo dục đại học giữ vững vai trò là hạ tầng tri thức chiến lược quốc gia, là trụ cột để thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện thể chế, hiện đại hóa quản trị hệ thống giáo dục đại học

Chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản trị chiến lược, kiến tạo phát triển; bảo đảm vận hành tự chủ đại học đầy đủ, thực chất, giải phóng năng lực của cơ sở giáo dục đại học, cụ thể:

a) Rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật, quán triệt quan điểm kiến tạo phát triển, quản trị đại học theo mục tiêu dựa trên dữ liệu, phân cấp tối đa, bảo đảm quyền tự chủ toàn diện, thực chất của các cơ sở giáo dục đại học không phụ thuộc mức độ tự chủ tài chính.

b) Nghiên cứu xây dựng quy định về phân cấp quản trị hệ thống giáo dục đại học, hoàn thiện mô hình quản trị trên nền tảng số, loại bỏ tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu năng và hiệu quả quản lý nhà nước; chuyển mạnh sang định hướng, giám sát và hậu kiểm dựa trên dữ liệu.

c) Rà soát, đồng bộ hóa chính sách về tổ chức bộ máy, nhân sự, tuyển sinh, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tài chính, đầu tư và hợp tác quốc tế; xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox); kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, bảo đảm thống nhất giữa Chiến lược, quy hoạch và các chương trình, đề án có liên quan.

d) Hoàn thiện các quy định, từng bước nâng chuẩn cơ sở giáo dục đại học, chuẩn chương trình đào tạo theo các chuẩn mực quốc tế. Ban hành bộ chỉ số cốt

lõi về chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học; triển khai hệ thống giám sát, đánh giá các chỉ số trên nền tảng số quản trị giáo dục quốc gia.

đ) Rà soát, phê duyệt chiến lược phát triển của các cơ sở giáo dục đại học gắn với giao chỉ tiêu và bố trí nguồn lực, phù hợp với Chiến lược và yêu cầu của ngành, lĩnh vực, địa phương; thiết lập cơ chế đánh giá kết quả thực hiện theo từng năm và từng giai đoạn, làm căn cứ đánh giá, phân bổ nguồn lực.

e) Đổi mới quản trị nội bộ trong các cơ sở giáo dục đại học, thiết lập hệ thống quản trị chiến lược dựa trên dữ liệu, phân cấp, phân quyền gắn với giao chỉ tiêu, nhiệm vụ kèm theo nguồn lực tới từng đơn vị, cá nhân; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; đồng thời bảo đảm công bằng, dân chủ, minh bạch, phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà khoa học, giảng viên và nhân viên.

2. Sắp xếp mạng lưới, đầu tư phát triển hệ thống có trọng điểm

Tổ chức mạng lưới tinh gọn, phân hóa theo năng lực thực chất; đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở giáo dục đại học, ưu tiên nhóm cơ sở và ngành trọng điểm, phát triển một số đại học tinh hoa, cụ thể:

a) Sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đại học công lập, sáp nhập hoặc giải thể cơ sở không đạt chuẩn, giảm tối thiểu 20% đầu mối; sáp nhập một số viện nghiên cứu chuyên ngành vào cơ sở giáo dục đại học mạnh trên địa bàn. Chuyển các cơ sở giáo dục đại học đa lĩnh vực về Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc địa phương quản lý; tổ chức lại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ, ngành, cơ quan trung ương để tập trung thực hiện nhiệm vụ chiến lược, chuyên môn đặc thù của ngành.

b) Quy hoạch và xây dựng mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học theo từng vùng kinh tế - xã hội và lĩnh vực đào tạo, lấy các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm làm nòng cốt; sắp xếp đồng bộ về quy mô, cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực, loại hình và phân bố vùng, miền; gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của vùng, địa phương, ngành, lĩnh vực.

c) Bố trí quỹ đất sạch và hỗ trợ mở rộng không gian phát triển, từng bước chuyển dịch địa điểm đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học ở các thành phố lớn ra ngoài khu vực nội đô phù hợp với quy hoạch. Đầu tư xây dựng cơ bản, hạ tầng kỹ thuật để các cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn về cơ sở vật chất; ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng nghiên cứu, hạ tầng số, dữ liệu và không gian sáng tạo dùng chung.

d) Lựa chọn khoảng 30 cơ sở giáo dục đại học trọng điểm thực hiện chiến lược quốc gia, vùng, ngành theo quy hoạch, chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó phát triển từ 03 đến 05 cơ sở thành đại học tinh hoa theo mô hình đại học nghiên cứu đẳng cấp thế giới; đầu tư tập trung để mở rộng không gian, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ, ưu tiên các ngành, lĩnh vực then chốt, chiến lược.

đ) Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu tiên cho nhóm cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, đại học tinh hoa; quản trị, triển khai hiệu quả các chương trình, đề án phát triển cơ sở giáo dục đại học được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí, sản phẩm đầu ra gắn với cam kết nguồn lực, cơ chế giám sát và lộ trình đánh giá định kỳ.

e) Đầu tư phát triển từ 20 đến 25 trung tâm nghiên cứu xuất sắc cấp độ quốc gia và 10 trung tâm nghiên cứu xuất sắc cấp độ quốc tế thuộc các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, nòng cốt là phòng thí nghiệm trọng điểm ngành, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn, trường đại học uy tín thế giới.

3. Đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội

Thực hiện phân bổ nguồn lực theo sứ mạng, chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy cạnh tranh; xây dựng cơ chế, chính sách tạo đòn bẩy thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục đại học, cụ thể:

a) Hoàn thiện và thực hiện thống nhất cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho cơ sở giáo dục đại học theo sứ mạng và các chỉ số cốt lõi về chất lượng, hiệu quả hoạt động; thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực theo kết quả đầu ra đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm gắn với đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Hoàn thiện đồng bộ các chính sách học phí và học bổng, nâng trần học phí tương xứng với chất lượng theo hướng tính đúng, tính đủ; rà soát, mở rộng chính sách học bổng hỗ trợ trực tiếp cho các nhóm yếu thế, nhóm ngành chiến lược, ngành thiết yếu; mở rộng chính sách tín dụng ưu đãi cho sinh viên; nghiên cứu hoàn thiện cơ chế hoàn trả tín dụng gắn với thu nhập để bảo đảm học phí không cản trở cơ hội học tập.

c) Hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai cho tất cả các cơ sở giáo dục đại học trong nước; cắt giảm điều kiện thành lập và cấp phép hoạt động, tạo điều kiện thu hút các nguồn lực tài trợ và đầu tư từ khu vực tư nhân, hợp tác và đầu tư từ nước ngoài cho giáo dục đại học; xây dựng và đẩy mạnh triển khai phương thức đối tác công tư trong giáo dục đại học.

d) Nghiên cứu xây dựng quy hoạch đô thị, khung pháp lý với cơ chế đặc thù để triển khai phương thức đầu tư tập trung, phát triển các hệ sinh thái, khu đô thị đại học - khoa học, công nghệ - đổi mới sáng tạo tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số vùng động lực; tích hợp các chức năng đào tạo, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao tri thức và thương mại hóa sản phẩm công nghệ.

đ) Hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế đối với hiến tặng và xây dựng khung pháp lý cho quỹ hiến tặng, quỹ phát triển đại học theo hướng cho phép đầu tư sinh lời, bảo toàn giá trị và bảo vệ ý nguyện của người hiến tặng; nghiên cứu thiết lập cơ chế đối ứng của Nhà nước; tháo gỡ vướng mắc để nguồn tài trợ cho

cơ sở giáo dục công lập được minh bạch, dùng đúng mục đích và được chủ động sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Tập trung phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học và hệ thống bảo đảm chất lượng

Tập trung triển khai các giải pháp đột phá để thu hút và nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, nhà khoa học; xây dựng văn hóa chất lượng thực chất theo tinh thần thực học, thực nghiệp trong mỗi cơ sở giáo dục đại học, cụ thể:

a) Hoàn thiện các quy định về đánh giá, sử dụng và chế độ thu nhập đối với đội ngũ giảng viên theo hướng chú trọng kết quả thực chất, gắn với các chỉ số hoạt động cốt lõi theo vị trí việc làm. Xây dựng môi trường làm việc dân chủ, minh bạch, bảo đảm tự do học thuật, giảm gánh nặng hành chính; thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, người có tài năng.

b) Đổi mới, hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư theo Luật Giáo dục đại học; bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng, bổ nhiệm theo vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng theo các chuẩn mực quốc tế. Nghiên cứu xây dựng cơ chế bổ nhiệm giáo sư do Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tài trợ thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng.

c) Hoàn thiện chính sách và triển khai đồng bộ các giải pháp thu hút chuyên gia, nhà khoa học ở nước ngoài cộng tác và làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học theo các chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; áp dụng gói tài trợ cạnh tranh, ưu đãi vượt trội sử dụng ngân sách nhà nước để thu hút giáo sư đầu ngành, nhà khoa học xuất sắc, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng.

d) Rà soát, hoàn thiện và triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án và chính sách hỗ trợ đào tạo, trao đổi giảng viên ở trong nước và ở nước ngoài, cử giảng viên đi đào tạo tiến sĩ toàn thời gian tại các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong nước. Xây dựng cơ chế luân chuyển, biệt phái giảng viên đến doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục nước ngoài.

đ) Vận hành hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, xây dựng văn hóa chất lượng, thực học, thực nghiệp trong mỗi nhà trường, thúc đẩy nỗ lực học tập và sự tiến bộ của mỗi người học. Đổi mới mạnh mẽ các phương thức đánh giá học tập, kiểm soát kết quả đánh giá, bảo đảm văn bằng, chứng chỉ phản ánh đúng năng lực thực chất của người học.

e) Định kỳ đánh giá, công khai các chỉ số chất lượng và thực hiện cải tiến liên tục; tăng cường kiểm định độc lập theo hướng chú trọng kết quả đầu ra và dựa trên rủi ro, hậu kiểm và trách nhiệm giải trình; nâng cao tính độc lập của tổ chức kiểm định và giám sát chính hoạt động kiểm định.

g) Xây dựng hệ thống theo dõi chất lượng đầu ra kết hợp chỉ báo sớm (trong quá trình đào tạo) và chỉ báo trễ (việc làm, thu nhập, phản hồi của người

sử dụng lao động), gắn với cơ sở dữ liệu toàn ngành; công khai, minh bạch thông tin chất lượng có kiểm chứng để xã hội giám sát.

5. Chuyển đổi thích ứng và dẫn dắt phát triển cùng trí tuệ nhân tạo

Lấy dữ liệu và công nghệ số làm nền tảng đổi mới toàn hệ thống; giáo dục đại học vừa chuyển đổi toàn diện, chủ động thích ứng vừa dẫn dắt phát triển năng lực AI quốc gia, cụ thể:

a) Xây dựng hệ thống quản trị giáo dục đại học trên nền tảng số quản trị giáo dục quốc gia, kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, khoa học công nghệ, tài chính, bảo hiểm, thuế, việc làm. Thiết lập quản trị dữ liệu thống nhất, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông và dùng chung; sử dụng dữ liệu và các chỉ số cốt lõi về quản trị cơ sở giáo dục đại học làm căn cứ để hoạch định chính sách, kiểm tra, đánh giá hiệu quả và phân bổ nguồn lực.

b) Hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn; xây dựng và triển khai nền tảng giáo dục thông minh quốc gia, ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát, tích hợp các tài nguyên giáo dục đại học mở; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Phát triển các phương thức đào tạo linh hoạt, tạo thuận lợi cho người lao động tự học, nâng cao kỹ năng và chuyển đổi nghề nghiệp.

c) Đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo, điều chỉnh chuẩn đầu ra đáp ứng các yêu cầu mới trong thời đại số và trí tuệ nhân tạo; đưa kiến thức và năng lực trí tuệ nhân tạo vào tất cả chương trình đào tạo. Phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và chương trình đào tạo liên ngành, xuyên ngành tích hợp trí tuệ nhân tạo (theo mô hình AI+X hoặc X+AI).

d) Đổi mới mạnh mẽ phương pháp đào tạo và kiểm tra, đánh giá người học thích ứng với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy học tập cá thể hóa, "tự học", "học sâu" dựa trên nghiên cứu, trải nghiệm và sáng tạo; liên thông dữ liệu quản trị chất lượng đào tạo gắn với chuẩn chương trình, mức độ đạt chuẩn năng lực, tình trạng việc làm và thu nhập sau tốt nghiệp.

đ) Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo và Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo; xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng năng lực số và năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho giảng viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đại học theo chuẩn năng lực.

e) Xây dựng khung bảo đảm chất lượng đào tạo trong môi trường trí tuệ nhân tạo; quy định trách nhiệm giải trình, liêm chính học thuật, bảo vệ dữ liệu và kiểm soát rủi ro; đo lường tác động của trí tuệ nhân tạo đối với kết quả học tập, năng lực người học và chất lượng đầu ra.

g) Đầu tư xây dựng các trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung, phát triển cơ sở tri thức, dữ liệu khoa học và công nghệ thành hạ tầng chiến lược cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

6. Đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế

Giáo dục đại học phải giữ vai trò nòng cốt trong bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, tạo ra tri thức và công nghệ mới; gắn kết đại học với doanh nghiệp và mạng lưới học thuật toàn cầu, cụ thể:

a) Thống kê, dự báo nhu cầu nhân lực trình độ cao theo ngành, vùng trên cơ sở kết nối dữ liệu giáo dục đại học với dữ liệu việc làm, thuế và bảo hiểm; đánh giá hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội của các ngành đào tạo để loại bỏ ngành không phù hợp, mở rộng các ngành có nhu cầu nhân lực lớn và tác động cao, nhất là khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược, logistics, công nghệ tài chính, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ biển và môi trường.

b) Thiết kế các chương trình đào tạo linh hoạt, tích hợp các trình độ, liên thông, liên ngành và xuyên ngành; tăng cường học phần thực tập, dự án thực tế, "học tập thích ứng" gắn với doanh nghiệp. Hình thành hệ thống tích lũy, công nhận và chuyển đổi tín chỉ; bổ trợ kỹ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm thực tiễn theo nhu cầu; mở rộng đào tạo cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho mọi đối tượng.

c) Triển khai đồng bộ, gắn kết và điều phối các đề án, chương trình đào tạo nhân lực đã được phê duyệt, bảo đảm cộng hưởng, tránh trùng lặp. Bảo đảm cân đối giữa ngành mũi nhọn và các ngành khoa học cơ bản, sư phạm, ngành thiết yếu, ngành cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội nhưng khó thu hút người học thông qua cơ chế Nhà nước hỗ trợ, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

d) Mở rộng triển khai các chương trình đào tạo tài năng, các chương trình trọng điểm quốc gia đào tạo tiến sĩ toàn thời gian, các chương trình sau tiến sĩ, nhất là trong các lĩnh vực STEM; gắn với phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu xuất sắc và triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược.

đ) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong trường đại học (doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nguồn, khai thác tài sản trí tuệ, góp vốn, chia sẻ lợi ích); kết nối trường đại học vào hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và vùng.

e) Thể chế hóa sự tham gia thực chất của doanh nghiệp vào đào tạo và nghiên cứu (thiết kế chương trình, đào tạo gắn thực tiễn, thực tập, đặt hàng và đồng tài trợ, trung tâm nghiên cứu chung, khu đổi mới sáng tạo trong trường); khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia xác định nhu cầu nhân lực, tài trợ học bổng, đầu tư hạ tầng nghiên cứu.

g) Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế, hình thành các mạng lưới, liên minh đại học, thực hiện công nhận, chuyển đổi tín chỉ, chia sẻ nguồn lực dùng chung; phát triển các chương trình liên kết đào tạo, đơn vị đào tạo và nghiên cứu chung. Triển khai các hoạt động

thu hút đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học có vốn nước ngoài và phân hiệu của các cơ sở giáo dục nước ngoài có uy tín.

h) Mở rộng triển khai các chương trình đào tạo, học phần giảng dạy bằng tiếng Anh, đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động giáo dục đại học. Xây dựng và triển khai chính sách học bổng và các chính sách hỗ trợ trao đổi giảng viên, sinh viên, thu hút sinh viên quốc tế.

i) Xây dựng và vận hành hệ thống hỗ trợ phát triển nghề nghiệp và việc làm cho người học tích hợp nền tảng số, bộ phận hướng nghiệp và mạng lưới doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, cựu sinh viên; hỗ trợ chuyển tiếp vào thị trường lao động cho sinh viên trước và sau tốt nghiệp. Thu thập và theo dõi thông tin về người tốt nghiệp theo khóa tốt nghiệp, ngành, lĩnh vực và trình độ đào tạo, các dữ liệu về mức độ phù hợp giữa việc làm với ngành và trình độ đào tạo, mức thu nhập và tiến triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp; kết nối với cơ sở dữ liệu việc làm, bảo hiểm và thuế.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối trong từng thời kỳ theo quy định pháp luật; được bố trí trong dự toán chi thường xuyên, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật; bảo đảm chi tối thiểu 3% tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học.

2. Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục đại học theo quy định pháp luật; nguồn thu từ học phí, hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, dịch vụ và các hoạt động hợp pháp khác theo quy định pháp luật được quản lý, sử dụng công khai, minh bạch, ưu tiên tái đầu tư nâng cao chất lượng.

3. Nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn vốn tín dụng, hợp tác công tư và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn vốn, kinh phí được bố trí trong các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 và các chương trình, đề án, dự án có liên quan theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật; được lồng ghép trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ, đối tượng, sản phẩm và phần kinh phí của Chiến lược, bảo đảm không trùng lặp và không sử dụng một nội dung chi từ nhiều nguồn ngân sách nhà nước.

5. Việc bố trí và sử dụng nguồn lực phải gắn với sứ mạng, nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra, chỉ số chất lượng và hiệu quả; ưu tiên nhiệm vụ trọng tâm, cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, đại học phát triển theo định hướng xuất sắc, ngành

chiến lược và ngành thiết yếu; lồng ghép với chương trình, đề án, dự án có liên quan, bảo đảm không trùng lặp nhiệm vụ, đối tượng và nguồn lực.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan đầu mối theo dõi thực hiện Chiến lược; chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết; sơ kết năm 2030, tổng kết và đề xuất điều chỉnh cho giai đoạn tiếp theo. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm theo quy định về báo cáo, đề xuất, kiến nghị tại văn bản số 6239/BGDĐT-GDĐH ngày 15 tháng 9 năm 2026, văn bản số 5969/BGDĐT-GDĐH ngày 04 tháng 9 năm 2026, văn bản số 1741/BC-BGDĐT ngày 19 tháng 8 năm 2026 và Tờ trình số 1185/TTr-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026.

b) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước về giáo dục đại học; rà soát, hoàn thiện chính sách, tiêu chuẩn, chuẩn và quy định chuyên ngành; phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học, hệ thống bảo đảm chất lượng, chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ, hợp tác quốc tế; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ liên ngành theo chức năng, thẩm quyền.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương điều phối việc thực hiện Chiến lược gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án có liên quan; định kỳ rà soát, đề xuất bổ sung nhiệm vụ còn thiếu, cập nhật khi có chương trình, đề án mới, bảo đảm đồng bộ, không trùng lặp về nhiệm vụ và nguồn lực.

2. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối nguồn lực thực hiện Chiến lược theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công; chủ trì rà soát, hoàn thiện cơ chế, tiêu chí phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học và các chính sách tài chính, thuế thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo phát triển năng lực nghiên cứu trong cơ sở giáo dục đại học, hạ tầng nghiên cứu dùng chung, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu xuất sắc, hạ tầng tính toán hiệu năng cao; lồng ghép phù hợp nhiệm vụ phát triển giáo dục đại học trong các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

4. Các bộ, cơ quan, địa phương quản lý cơ sở giáo dục đại học

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chiến lược; phối hợp với

Bộ Giáo dục và Đào tạo trong theo dõi, đánh giá kết quả; chỉ đạo cơ sở giáo dục đại học thuộc phạm vi quản lý thực hiện Chiến lược theo quy định và bảo đảm quyền tự chủ của cơ sở.

b) Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi chức năng và được giao trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược (Phụ lục II kèm theo).

c) Lồng ghép phù hợp mục tiêu phát triển giáo dục đại học vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương; xác định nhu cầu nhân lực, thực hiện đặt hàng đào tạo, nghiên cứu theo thẩm quyền; thực hiện các nhiệm vụ về đất đai, hạ tầng, đầu tư và kết nối doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Theo thẩm quyền và khả năng cân đối nguồn lực, ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng nghiên cứu, hạ tầng số và không gian đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học thuộc phạm vi quản lý.

đ) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao đối với cơ sở giáo dục đại học thuộc phạm vi quản lý; không can thiệp vào quyền tự chủ học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính và hoạt động chuyên môn của cơ sở ngoài phạm vi pháp luật quy định.

5. Doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ

Khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia xác định nhu cầu nhân lực; hợp tác xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, thực tập, tuyển dụng; đặt hàng đào tạo, nghiên cứu; tài trợ học bổng, đầu tư hạ tầng nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo; chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

6. Các cơ sở giáo dục đại học

a) Chủ động xây dựng, rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển của cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, phù hợp với Chiến lược này; xác định lĩnh vực ưu tiên, mục tiêu chất lượng và cơ chế trách nhiệm giải trình.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đổi mới quản trị, chương trình đào tạo, phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số, hợp tác với doanh nghiệp và hội nhập quốc tế; công khai thông tin theo quy định, chú trọng kết quả việc làm, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức.

c) Phát huy quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực; xây dựng môi trường học thuật, liêm chính khoa học, văn hóa chất lượng, đổi mới sáng tạo và phục vụ người học.

d) Thiết lập bộ phận hoặc đầu mối chuyên trách hỗ trợ phát triển nghề nghiệp và việc làm; duy trì mạng lưới doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và cựu sinh viên; theo dõi, cập nhật, cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu việc làm, thu nhập và tiến triển nghề nghiệp của người tốt nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ sở giáo dục đại học và cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục: KTTH, PL, TCCV, QHQT, CĐS;
- Lưu: VT, KGVX (2).14

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Lê Tiến Châu

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU

(Kèm theo Quyết định số 1810 /QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến 2030	Đến 2035
1	Tỉ lệ đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học	%	100	100
2	Tỉ lệ học đại học trên số người trong độ tuổi 18 - 22	%	38	45
3	Tỉ lệ người học sau đại học trên tổng quy mô đào tạo	%	10	15
4	Tỉ lệ người học các ngành STEM trên quy mô đào tạo ở mỗi trình độ	%	35	40
5	Số người học các chương trình tài năng STEM	người	20.000	30.000
6	Số nghiên cứu sinh các ngành STEM	người	6.000	10.000
7	Tỉ lệ sinh viên quốc tế	%	1,5	3
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp trong 12 tháng	%	85	90
9	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	%	40	50
10	Số giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia quốc tế và trí thức Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở GDĐH Việt Nam	người	2.000	5.000
11	Số trung tâm nghiên cứu xuất sắc hàng đầu khu vực	trung tâm	10	20
12	Tăng trưởng trung bình năm về số công bố khoa học trên các ấn phẩm quốc tế có uy tín so với năm 2025	%	15	15
13	Tăng trưởng trung bình năm về số đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế so với năm 2025	%	16	18
14	Tỉ trọng thu từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức	%	10	15
15	Cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 hàng đầu châu Á	cơ sở	8	10
16	Cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 hàng đầu thế giới theo lĩnh vực	cơ sở	1	2

***Ghi chú**: Nhóm xếp hạng theo các tổ chức xếp hạng uy tín thế giới gồm QS World University Rankings hoặc Times Higher Education (THE).*

Phụ lục II

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

(Kèm theo Quyết định số 1810 /QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
NHÓM 1. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, HIỆN ĐẠI HÓA QUẢN TRỊ HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC					
1	Rà soát, hoàn thiện pháp luật về quản trị giáo dục đại học theo hướng phân cấp tối đa, bảo đảm tự chủ toàn diện gắn với trách nhiệm giải trình.	Bộ GDĐT	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp; các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH	Tháng 3/2027	Danh mục văn bản cần sửa đổi; văn bản QPPL được trình, ban hành; thủ tục hành chính được cắt giảm.
2	Xây dựng quy định của Chính phủ về phân cấp quản trị hệ thống GDĐH, mô hình quản trị trên nền tảng số và trách nhiệm của các chủ thể.	Bộ GDĐT	Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính; các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Tháng 3/2027	Nghị định của Chính phủ.
3	Rà soát, đồng bộ hóa chính sách về tự chủ, đầu tư, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân lực, KHCN, ĐMST và hợp tác quốc tế; xây dựng cơ chế PPP, sandbox, đặt hàng và đầu tư vượt trội.	Bộ GDĐT	Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ KHCN, Bộ Tư pháp; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH	Tháng 3/2027	Báo cáo rà soát, danh mục cần điều chỉnh; đề án, cơ chế thí điểm và văn bản được ban hành.
4	Hoàn thiện chuẩn cơ sở GDĐH, chuẩn chương trình đào tạo và bộ chỉ số cốt lõi về chất lượng, hiệu quả hoạt động.	Bộ GDĐT	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính; các bộ, ngành liên quan; cơ sở GDĐH	Tháng 10/2026 và 9/2027	Thông tư ban hành Chuẩn cơ sở GDĐH và bộ chỉ số cốt lõi và hướng dẫn đo lường (10/2026); chuẩn chương trình đào tạo (9/2027).

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
5	Xây dựng và triển khai chỉ số quản trị GDĐH, hướng dẫn các cơ sở GDĐH thực hiện đổi mới quản trị nội bộ theo mục tiêu và dựa trên dữ liệu.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH	Tháng 12/2026	Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành các chỉ số quản trị và hướng dẫn thực hiện; báo cáo đánh giá, công khai kết quả quản trị.
6	Rà soát, phê duyệt hoặc điều chỉnh chiến lược phát triển của các cơ sở GDĐH phù hợp các chiến lược quốc gia, vùng, ngành và nhu cầu nhân lực.	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quản lý cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; cơ sở GDĐH	Tháng 12/2026	Quyết định phê duyệt/điều chỉnh chiến lược phát triển của từng cơ sở GDĐH.
7	Giao kế hoạch, nhiệm vụ, chỉ tiêu và cam kết nguồn lực cho cơ sở GDĐH công lập theo từng năm, từng giai đoạn.	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quản lý cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT, Bộ Tài chính; cơ sở GDĐH	Hằng năm	Quyết định giao nhiệm vụ, chỉ tiêu và nguồn lực; cam kết kết quả đầu ra; báo cáo đánh giá hằng năm.
8	Triển khai quản trị mục tiêu dựa trên dữ liệu, tích hợp AI; số hóa toàn trình và cắt giảm tầng nấc trung gian.	Các cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; cơ quan quản lý trực tiếp	Hằng năm	Quy trình quản trị nội bộ; hệ thống quản trị dữ liệu; tỉ lệ thủ tục xử lý trực tuyến.
9	Xây dựng cơ chế theo dõi, điều phối chung giữa Chiến lược với Chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án đã phê duyệt (nhân lực và phát triển cơ sở, vùng); định kỳ rà soát tránh trùng lặp, lấp khoảng trống.	Bộ GDĐT	Bộ Tài chính, Bộ KHCN; các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH	Tháng 8/2027	Cơ chế điều phối; khung theo dõi, đánh giá chung; báo cáo rà soát định kỳ.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
NHÓM 2. SẮP XẾP MẠNG LƯỚI, ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CÓ TRỌNG ĐIỂM					
10	Xây dựng và triển khai Đề án sắp xếp mạng lưới cơ sở GDĐH công lập; sáp nhập hoặc giải thể cơ sở không đạt chuẩn; tổ chức lại các cơ sở trực thuộc bộ, ngành và sáp nhập một số viện nghiên cứu chuyên ngành vào cơ sở GDĐH mạnh trên địa bàn.	Bộ GDĐT	Các bộ, cơ quan ngang bộ; UBND cấp tỉnh; các cơ sở GDĐH	Tháng 4/2027	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án; danh mục và phương án sắp xếp.
11	Xây dựng và triển khai phương án mạng lưới cơ sở GDĐH theo vùng kinh tế, ngành, lĩnh vực; sắp xếp đồng bộ quy mô, cơ cấu ngành nghề, loại hình và phân bố vùng, miền, gắn với dự báo nhu cầu nhân lực.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp	Tháng 12/2026	Quyết định phê duyệt quy hoạch mạng lưới theo vùng, ngành, lĩnh vực; danh mục cơ sở nòng cốt; chỉ tiêu quy mô và cơ cấu đào tạo gắn dự báo nhu cầu nhân lực.
12	Xây dựng danh mục và thực hiện đầu tư có trọng tâm cho cơ sở GDĐH trọng điểm, đại học định hướng tinh hoa, nhóm nghiên cứu mạnh và trung tâm nghiên cứu xuất sắc.	Bộ GDĐT	Bộ Tài chính, Bộ KHCN; các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH	Tháng 3/2027	Danh mục ưu tiên đầu tư; quyết định đầu tư/giao nhiệm vụ; chỉ tiêu sản phẩm đầu ra và cam kết hiệu quả.
13	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về tự chủ, đầu tư và thu hút nhân lực cho cơ sở GDĐH trọng điểm, đại học định hướng tinh hoa; quản trị theo sản phẩm đầu ra.	Bộ GDĐT	Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ KHCN; các bộ, ngành, địa phương	Tháng 3/2027	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù về tự chủ, đầu tư và thu hút nhân lực chất lượng cao.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
14	Tổ chức đánh giá, lựa chọn 30 cơ sở GDĐH trọng điểm theo ngành, lĩnh vực và vùng; trong đó lựa chọn 3 đến 5 đại học định hướng phát triển thành đại học tinh hoa.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH; hội đồng chuyên gia độc lập	Tháng 12/2026	Quyết định phê duyệt danh sách 30 cơ sở GDĐH trọng điểm và 3 đến 5 đại học định hướng phát triển thành đại học tinh hoa; nhiệm vụ, chỉ tiêu và đề án cam kết của từng cơ sở.
15	Xây dựng 20 đến 25 trung tâm nghiên cứu xuất sắc cấp độ quốc gia và 10 trung tâm nghiên cứu xuất sắc cấp độ quốc tế, gắn với phòng thí nghiệm trọng điểm và đối tác công nghệ, đại học uy tín.	Bộ GDĐT	Bộ KHCN, Bộ Tài chính; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp	Tháng 12/2026	Quyết định phê duyệt danh sách trung tâm, đề án/dự án được phê duyệt.
16	Bố trí đất sạch và hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở GDĐH mở rộng không gian, di dời cơ sở đào tạo ở đô thị lớn ra ngoài nội đô.	UBND cấp tỉnh có cơ sở thuộc diện mở rộng, di dời	Bộ GDĐT, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ NNMT; cơ sở GDĐH	Tháng 12/2027	Quỹ đất sạch và phương án di dời, đầu tư xây dựng theo dự án.
17	Đầu tư xây dựng cơ sở GDĐH đạt chuẩn; ưu tiên hạ tầng nghiên cứu, hạ tầng số, dữ liệu và không gian sáng tạo dùng chung.	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quản lý cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; các bộ, ngành liên quan	Tháng 6/2027	Danh mục dự án và kế hoạch vốn; công trình, phòng thí nghiệm, hạ tầng số/dữ liệu được nghiệm thu; mức độ đạt chuẩn.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
18	Đầu tư mở rộng không gian, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất cho cơ sở được lựa chọn; tăng liên kết với khu công nghệ cao và trung tâm ĐMST.	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh quản lý cơ sở được lựa chọn	Bộ GDĐT, Bộ Tài chính, Bộ KHCN; cơ sở GDĐH	Hằng năm	Dự án đầu tư được phê duyệt.
NHÓM 3. ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ, HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC XÃ HỘI					
19	Xây dựng và áp dụng cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho cơ sở GDĐH theo sứ mạng, chất lượng và hiệu quả hoạt động.	Bộ Tài chính	Bộ GDĐT; các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Tháng 9/2027	Cơ chế, tiêu chí và định mức phân bổ; phương án phân bổ gắn chỉ số đầu ra; suất đầu tư bình quân trên người học.
20	Hoàn thiện chính sách ưu đãi về thuế, đất đai; bảo đảm bình đẳng giữa cơ sở GDĐH công lập và tư thục.	Bộ Tài chính	Bộ NNMT, Bộ GDĐT, Bộ Tư pháp; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH	Tháng 9/2027	Đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật về thuế, đất đai và các văn bản liên quan; cơ chế ưu đãi, tiêu chí và hướng dẫn thực hiện.
21	Xây dựng khung pháp lý cho quỹ hiến tặng và quỹ phát triển đại học; hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế đối với hiến tặng; nghiên cứu cơ chế quỹ đối ứng của Nhà nước và cơ chế hạch toán bảo vệ nguồn tài trợ vào cơ sở công lập.	Bộ Tài chính	Bộ GDĐT, Bộ Tư pháp; các bộ, ngành liên quan; cơ sở GDĐH	Tháng 9/2027	Nghị định/quy định về quỹ phát triển đại học và ưu đãi thuế hiến tặng; cơ chế quỹ đối ứng; hướng dẫn hạch toán.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
22	Hoàn thiện chính sách học phí; mở rộng học bổng, tín dụng sinh viên và hỗ trợ trực tiếp nhóm yếu thế, ngành chiến lược, ngành thiết yếu.	Bộ GDĐT	Bộ Tài chính, Bộ KHCN; cơ sở GDĐH	Tháng 12/2027	Nghị định của Chính phủ.
23	Cắt giảm điều kiện thành lập, cấp phép hoạt động; thu hút nguồn lực tài trợ, đầu tư tư nhân, hợp tác và đầu tư nước ngoài; xây dựng, triển khai cơ chế đối tác công tư trong giáo dục đại học; cắt giảm quy trình và thủ tục hành chính.	Bộ GDĐT	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ KHCN; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH; nhà đầu tư, doanh nghiệp	Tháng 3/2027	Văn bản sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền; thủ tục hành chính, điều kiện được cắt giảm thủ tục; cơ chế đối tác công tư; danh mục dự án và kết quả huy động đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài.
24	Nghiên cứu, xây dựng quy hoạch đô thị và khung pháp lý, cơ chế đặc thù để phát triển hệ sinh thái, khu đô thị đại học - khoa học, công nghệ - đổi mới sáng tạo tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số vùng miền.	Bộ Xây dựng	Bộ GDĐT, Bộ KHCN, Bộ Tài chính; UBND cấp tỉnh có liên quan; cơ sở GDĐH, doanh nghiệp	Tháng 12/2027	Đề án, quy hoạch hoặc phương án tích hợp vào quy hoạch có liên quan; khung pháp lý, cơ chế đặc thù và danh mục dự án ưu tiên.
25	Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực ngành trọng điểm, ưu tiên; gắn đào tạo sau đại học với nhiệm vụ KHCN và ĐMST.	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, doanh nghiệp theo nhu cầu nhân lực	Bộ GDĐT, Bộ KHCN, Bộ Tài chính; cơ sở GDĐH	Hằng năm	Danh mục đặt hàng/giao nhiệm vụ; số lượng nhân lực đặt hàng; hợp đồng hoặc quyết định giao nhiệm vụ.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
NHÓM 4. TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ VÀ HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG					
26	Hoàn thiện quy định về đánh giá, sử dụng, vị trí việc làm và chế độ thu nhập đối với giảng viên, cán bộ quản lý; xây dựng môi trường dân chủ, minh bạch, bảo đảm tự do học thuật và thực hiện chính sách đối với nhà giáo, người có tài năng.	Bộ GDĐT	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính; các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH	Tháng 9/2027	Văn bản quy định, hướng dẫn theo thẩm quyền; bộ tiêu chí đánh giá theo vị trí việc làm; cơ chế thu nhập gắn kết quả thực chất.
27	Đổi mới quy định về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư theo vị trí việc làm và chuẩn mực quốc tế và cơ chế chính sách ưu đãi.	Bộ GDĐT	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ KHCN; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp, tổ chức có liên quan	Tháng 12/2026	Thông tư quy định về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư; cơ chế, chính sách ưu đãi.
28	Xây dựng cơ chế phối hợp và gói tài trợ cạnh tranh; chính sách thu hút giáo sư đầu ngành, nhà khoa học xuất sắc, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng.	Bộ GDĐT	Bộ KHCN, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH	Tháng 12/2026	Nghị định của Chính phủ.
29	Vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; xây dựng văn hóa chất lượng, thực học, thực nghiệp; đổi mới đánh giá học tập, kiểm soát lạm phát điểm số, nâng cao chất lượng đào tạo.	Các cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; cơ quan quản lý trực tiếp; tổ chức kiểm định; doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp	Hằng năm	Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; bộ chỉ số và báo cáo tự đánh giá; quy định đánh giá học tập; minh chứng cải tiến chất lượng.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
NHÓM 5. CHUYỂN ĐỔI THÍCH ỨNG VÀ DẪN DẮT PHÁT TRIỂN CÙNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO					
30	Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu GDĐH gắn với nền tảng dữ liệu quốc gia và hệ thống giám sát chỉ số; kết nối các CSDL quốc gia, chuyên ngành.	Bộ GDĐT	Bộ Công an, Bộ KHCN, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, BHXH Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH	Tháng 3/2027	Hạ tầng kỹ thuật, CSDL và bảng điều hành số; các kết nối dữ liệu; bộ báo cáo quản trị và công khai chỉ số.
31	Xây dựng và triển khai nền tảng giáo dục thông minh quốc gia dùng chung, ứng dụng AI có kiểm soát, tích hợp tài nguyên giáo dục mở.	Bộ GDĐT	Bộ KHCN, Bộ Công an; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp công nghệ	Tháng 3/2027	Nền tảng giáo dục thông minh dùng chung; kho tài nguyên mở.
32	Triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo; xây dựng và tổ chức chương trình bồi dưỡng năng lực số, năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho giảng viên và cán bộ quản lý cơ sở GDĐH theo chuẩn năng lực.	Bộ GDĐT	Bộ KHCN, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp công nghệ	Tháng 11/2026	Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, chuẩn năng lực và tài liệu bồi dưỡng; số giảng viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng; kết quả đánh giá năng lực.
33	Xây dựng và triển khai khung bảo đảm chất lượng đào tạo trong môi trường AI; kiểm soát liêm chính học thuật, bảo vệ dữ liệu và kiểm soát rủi ro.	Bộ GDĐT	Bộ KHCN, Bộ Công an; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH; tổ chức kiểm định	Tháng 3/2027	Quyết định/hướng dẫn; bộ chỉ số chất lượng; báo cáo đánh giá tác động hằng năm.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
34	Đầu tư xây dựng trung tâm tính toán hiệu năng cao dùng chung; phát triển cơ sở tri thức và dữ liệu khoa học - công nghệ phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo (AI).	Bộ KHCN	Bộ GDĐT, Bộ Tài chính; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp công nghệ	Tháng 6/2027	Trung tâm tính toán và nền tảng dữ liệu dùng chung; quy chế khai thác; năng lực tính toán, kho dữ liệu.
35	Phát triển mô hình đào tạo linh hoạt cho người học trưởng thành, lực lượng lao động; đào tạo lại, nâng cao kỹ năng, chuyển đổi nghề nghiệp.	Các cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; các bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp	Hằng năm	Chương trình/khóa học linh hoạt; học liệu số; số người học hoàn thành; kết quả công nhận tín chỉ, kỹ năng.
36	Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo; cá thể hóa học tập; tích hợp năng lực AI cốt lõi và AI chuyên ngành.	Các cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp; chuyên gia	Hằng năm	Chương trình được cập nhật; học phần AI; phương pháp dạy - học, đánh giá mới; minh chứng cải tiến chất lượng.
37	Mở rộng chương trình đào tạo tài năng STEM, chương trình chuyên sâu AI, AI+X/X+AI và chương trình bằng ngoại ngữ.	Các cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; doanh nghiệp sử dụng lao động	Hằng năm	Danh mục chương trình; số người học; sản phẩm đào tạo, nghiên cứu; kết quả đánh giá chất lượng.
38	Đổi mới kiểm tra, đánh giá thích ứng với AI; liên thông dữ liệu chất lượng với chuẩn chương trình, năng lực, việc làm và thu nhập sau tốt nghiệp.	Các cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; doanh nghiệp	Hằng năm	Quy định/hướng dẫn đánh giá; hệ thống và dữ liệu liên thông; báo cáo chuẩn đầu ra, việc làm, thu nhập.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
NHÓM 6. ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO GẮN VỚI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, HỘI NHẬP QUỐC TẾ					
39	Xây dựng và vận hành hệ thống dự báo nhu cầu nhân lực trình độ cao theo ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương.	Bộ GDĐT	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ KHCN, Bộ Công an, BHXH Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp	Tháng 9/2027	Hệ thống dự báo; bộ chỉ số cung - cầu nhân lực theo ngành, lĩnh vực, vùng.
40	Đánh giá tổng thể các ngành đào tạo; dừng ngành không phù hợp, điều chỉnh quy mô và mở rộng ngành có nhu cầu nhân lực, hiệu quả cao.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp, hiệp hội	Hằng năm	Báo cáo đánh giá ngành; danh mục ngành dừng/điều chỉnh/mở rộng; quyết định theo thẩm quyền.
41	Hình thành hệ thống tích lũy, công nhận, chuyển đổi tín chỉ; công nhận kỹ năng nghề nghiệp, kinh nghiệm thực tiễn và đào tạo cấp chứng chỉ.	Bộ GDĐT	Các cơ sở GDĐH; Bộ Nội vụ, Bộ KHCN; doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp	Hằng năm	Triển khai thông tư quy định về liên thông và công nhận, chuyển đổi tín chỉ; hệ thống lưu trữ/chuyển đổi tín chỉ; danh mục chứng chỉ.
42	Giao nhiệm vụ triển khai chương trình đào tạo tài năng gắn với nghiên cứu và phát triển trong khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược.	Bộ GDĐT	Bộ KHCN, Bộ Tài chính; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp	Hằng năm	Quyết định giao nhiệm vụ.
43	Thiết kế chương trình liên thông theo trục dọc giữa các trình độ và trục ngang giữa ngành, lĩnh vực; tăng dự án thực tế và học tập gắn doanh nghiệp.	Các cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; doanh nghiệp, viện nghiên cứu; hiệp hội nghề nghiệp	Hằng năm	Chương trình liên thông, liên ngành; thỏa thuận công nhận tín chỉ; dự án thực tế.

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm chính
44	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong cơ sở GDĐH; thể chế hóa sự tham gia của doanh nghiệp vào xác định nhu cầu nhân lực, thiết kế chương trình, đào tạo, nghiên cứu, đặt hàng, đồng tài trợ và đầu tư hạ tầng.	Bộ GDĐT	Bộ KHCN, Bộ Tài chính; các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ sở GDĐH; doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp	Hằng năm	Hướng dẫn và thỏa thuận hợp tác; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nguồn, trung tâm nghiên cứu chung; hợp đồng đặt hàng, đồng tài trợ; sản phẩm thương mại hóa.
45	Tăng cường liên kết, hình thành mạng lưới, liên minh đại học trong nước và quốc tế; phát triển chương trình, đơn vị đào tạo và nghiên cứu chung; thu hút đầu tư cơ sở có vốn nước ngoài, mở rộng chương trình bằng tiếng Anh, trao đổi giảng viên, sinh viên và thu hút sinh viên quốc tế.	Bộ GDĐT	Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ KHCN; các bộ, ngành, địa phương; cơ sở GDĐH; tổ chức, đối tác quốc tế	Hằng năm	Mạng lưới, thỏa thuận và chương trình hợp tác; chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh; số giảng viên, sinh viên trao đổi và sinh viên quốc tế; dự án đầu tư, đơn vị đào tạo, nghiên cứu chung.
46	Xây dựng, vận hành hệ thống hỗ trợ phát triển nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho sinh viên; thu thập, chuẩn hóa, kiểm chứng và cập nhật dữ liệu đầu ra của người tốt nghiệp đại học và sau đại học.	Các cơ sở GDĐH	Bộ GDĐT; cơ quan quản lý trực tiếp; cơ quan quản lý việc làm, thuế, bảo hiểm xã hội; doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp và mạng lưới cựu sinh viên	Tháng 9/2027	Hệ thống/nền tảng hỗ trợ việc làm; bộ phận hoặc đầu mối hướng nghiệp; mạng lưới đối tác; cơ sở dữ liệu người tốt nghiệp; báo cáo hằng năm theo khóa, ngành và trình độ về việc làm phù hợp, thời gian có việc làm tại các thời điểm sau 1 năm, 3 năm và 5 năm tốt nghiệp, thu nhập trung vị khởi điểm, tăng trưởng thu nhập và tiến triển nghề nghiệp.